SAO Y; Bộ thông tin và Truyền thông; 21/02/2024 14:19:30

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 15 /BC-BTTTT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2024*

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2020, định hướng năm 2030

Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2020, định hướng năm 2030 (gọi là Quyết định số 749/QĐ-TTg). Đây là văn bản quan trọng, xác định các mục tiêu, nội dung, giải pháp, trách nhiệm triển khai chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương trên phạm vi toàn quốc, góp phần hiện đại hóa, thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Thực hiện nhiệm vụ được giao, căn cứ các báo cáo tình hình triển khai của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Thông tin và Truyền thông xin báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg đến hết năm 2023 như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu đặt ra

Tổng số mục tiêu theo Quyết định số 749/QĐ-TTg gồm 17 mục tiêu (không bao gồm các chỉ tiêu xếp hạng quốc gia). Trong đó:

- **03/17** mục tiêu đã hoàn thành (đạt 18%);

- **07/17** mục tiêu có khả năng hoàn thành cao (chiếm 41%);

- **07/17** chỉ tiêu phải nỗ lực tập trung mới hoàn thành đúng hạn (chiếm 41%).

Kết quả cụ thể từng mục tiêu như sau:

1.1. Các chỉ tiêu đã hoàn thành

STT	Chỉ tiêu	Kết quả ước tính 2022	Kết quả ước tính 2023	Mục tiêu 2025
I	**CHÍNH PHỦ SỐ**			
1	Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến cấp xã	100%	100%	100%
2	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử	77,41%[1]		≥ 50%

[1] Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước tại văn bản số 1609/CNTT5 ngày 23/10/2023.

STT	Chỉ tiêu	Kết quả ước tính 2022	Kết quả ước tính 2023	Mục tiêu 2025
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình	77,08%	100%[2]	100%
4	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)			
4.1	*Cấp bộ, tỉnh*	89,35%	>90%	90%
4.2	*Cấp huyện*	*81,11%*	*86,37%*	*80%*
4.3	*Cấp xã*	*69,01%*	*67,28%*	*60%*
II	**KINH TẾ SỐ**			
5	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực (03 ngành có tỷ lệ đóng góp nhiều nhất)	>10%		Tối thiểu 10%
III	**XÃ HỘI SỐ**			
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	71%	81%	80%
7	Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến hộ gia đình	75%	79,4%	> 80%

1.2. Nhóm các chỉ tiêu có khả năng hoàn thành cao

STT	Chỉ tiêu	Kết quả ước tính 2022	Kết quả ước tính 2023	Mục tiêu 2025
I	**KINH TẾ SỐ**			
1	Tỷ trọng kinh tế số trên GDP	14,26%		20%
2	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	30,07%	62%	Trên 50%
3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	7,50%	8%[3]	Trên 10%

[2] Báo cáo chuyển đổi số quốc gia hàng tháng của Bộ TT&TT.
[3] Báo cáo của Bộ Công Thương tại văn bản số 6914/BCT-TMĐT ngày 5/10/2023

1.3. Nhóm các chỉ tiêu cần nỗ lực tập trung mới có thể hoàn thành đúng hạn

STT	Chỉ tiêu	Kết quả ước tính 2022	Kết quả 2023	Mục tiêu 2025
I	**CHÍNH PHỦ SỐ**			
1	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	-	22,5%	≥ 50%
2	Tỷ lệ tăng năng suất lao động hằng năm	-	4,69%	7%
3	Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	40,47%	41%	100%

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ

Tại Quyết định số 749/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã giao cho các bộ, ngành tổng số 80 nhiệm vụ, giải pháp, tính đến hết tháng 11/2023, đã có:

- 11/80 nhiệm vụ, giải pháp đã hoàn thành (chiếm tỷ lệ 14%);

- 69/80 nhiệm vụ, giải pháp đang thực hiện theo kế hoạch (chiếm tỷ lệ 86%).

(Chi tiết tình hình thực hiện các nhiệm vụ trong Phụ lục kèm theo)

2.1. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chỉ đạo điều hành

a) Kết quả đạt được:

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã thể hiện quyết tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện thể chế nhằm tạo lập hành lang pháp lý giúp kiến tạo sự phát triển trên không gian mới (không gian số), giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn chuyển đổi số thời gian vừa qua, giải quyết các "điểm nghẽn" nhằm thúc đẩy chuyển đổi số nhanh tại Việt Nam. Thể hiện cụ thể: Giai đoạn từ năm 2020 đến nay đã có: **02 Luật** của Quốc hội, **14 Nghị định** của Chính phủ, **02 Chỉ thị, 02 Công điện, 07 Nghị quyết, 25 Thông báo kết luận** của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ đã được ban hành phục vụ thúc đẩy chuyển đổi số. Đặc biệt, ngay trong năm 2023, Quốc hội đã thông qua Luật Giao dịch điện tử và Luật Viễn thông sửa đổi.

- Năm 2023, Luật Giao dịch điện tử sửa đổi được Quốc hội thông qua tại Phiên họp sáng ngày 22/06/2023 kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV. Luật Giao dịch điện tử có tác động đến **139** văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, được nhóm theo thẩm quyền và nội dung có liên quan; **11** điều ước quốc tế có liên quan đến

Luật Giao dịch điện tử năm 2005, bao gồm: **26** luật; **113** văn bản hướng dẫn (**27** Nghị định, **57** Thông tư, **29** Quyết định các cấp); Điều ước quốc tế: **11** văn bản (**08** Hiệp định, **03** Công ước). Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 về việc ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử năm 2023; Bộ TT&TT đã đôn đốc các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Quyết định số 1198/QĐ-TTg bảo đảm đầy đủ hành lang pháp lý đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử năm 2023 (*có hiệu lực từ 01/7/2024*).

- Ngày 24/11/2023, Luật Viễn thông sửa đổi đã được Quốc hội thông qua. Việc sửa đổi Luật Viễn thông nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển hạ tầng viễn thông tạo nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số; bổ sung quy định về các dịch vụ viễn thông mới, bao gồm dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ trung tâm dữ liệu; xây dựng hành lang pháp lý phù hợp với xu thế chuyển đổi số, chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số; kịp thời khắc phục các vướng mắc trong công tác thực thi, quản lý nhà nước thời gian qua và bảo đảm phù hợp với các luật hiện hành, các cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Để bảo đảm triển khai Đề án 06 được hiệu quả, sau khi Luật Giao dịch điện tử năm 2023 được thông qua, Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản đã tổ chức rà soát, kết quả như sau:

+ Tính đến tháng 11/2023, Bộ Tư pháp nhận được thông tin, báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL của 24/24 bộ, cơ quan Trung ương, 62/63 địa phương đối với kết quả rà soát văn bản phục vụ triển khai Đề án 06; 23/23 bộ, cơ quan trung ương, 63/63 địa phương đối với việc rà soát văn bản theo Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

+ Số văn bản QPPL cần xử lý: **328** văn bản, trong đó: (1) Văn bản QPPL ở Trung ương: **234** văn bản (gồm: 17 luật; 73 nghị định; 02 quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 130 thông tư; 11 thông tư liên tịch; 01 nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao), liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của 20 bộ, cơ quan; (2) Văn bản QPPL của 26 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: **94** văn bản (gồm: 21 nghị quyết của HĐND cấp tỉnh; 72 quyết định của UBND cấp tỉnh, 01 chỉ thị của UBND cấp tỉnh).

+ Trong đó, văn bản đã được xử lý: **55** văn bản (gồm: 05 nghị định, 18 thông tư, 05 thông tư liên tịch, 12 nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, 15 quyết định của UBND cấp tỉnh).

- Những chính sách mới như trên tạo cơ sở pháp lý, cung cấp thêm công cụ quản lý và mở ra phương thức quản lý mới trong hoạt động chuyển đổi số toàn trình trên môi trường mạng; góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số Việt Nam

bước vào giai đoạn "**tăng tốc**" có tính quyết định đến kết quả chuyển đổi số cả giai đoạn 2021-2025.

b) Mô hình thành công:

- Cách tiếp cận "Một văn bản điều chỉnh nhiều văn bản": Từ kết quả xây dựng Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, có thể rút ra bài học kinh nghiệm về việc xây dựng hoàn thiện thể chế để đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số: "Thể chế số phải đi trước một bước để giúp chuyển đổi số quốc gia nhanh hơn, bền vững hơn"; cách tiếp cận "**Một văn bản điều chỉnh nhiều văn bản**", "**phát hiện ra sự bất cập, lạc hậu thì sửa ngay, sửa từng điểm thì sẽ sửa đúng và nhanh hơn, từ đó sẽ phản ánh được hơi thở của cuộc sống**".

- Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến, (có hiệu lực từ 01/12/2023) với mức giảm phí, lệ phí từ **10%** đến **50%** cho **08** khoản phí khi tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Dự kiến chính sách này sẽ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khoảng **100** tỷ đồng/năm.

- Quảng Ngãi ban hành chính sách giảm **50%** phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến; rút ngắn **20%** thời gian xử lý cho **973** dịch vụ công trực tuyến; thực hiện thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn trực tuyến với **97** dịch vụ công trực tuyến; ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến; sử dụng giải pháp nộp hồ sơ trực tuyến thông qua ứng dụng được xây dựng trên thiết bị di động (smartphone) đạt hiệu quả, thiết thực, có tính khả thi cao.

- Lào Cai ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách[4] ưu đãi đối với công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, áp dụng đối với công chức, viên chức làm việc tại cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện[5] với mức hỗ trợ lên đến **150** triệu đồng/người/lần; hỗ trợ đào tạo[6] và đãi ngộ với mức hỗ trợ lên đến **5,4** triệu đồng/người/tháng.

Thành phố Hà Nội là địa phương **đầu tiên** ban hành Nghị quyết của Hội

---

[4] Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định về chính sách thu hút, đãi ngộ, đào tạo nguồn nhân lực.

[5] Làm việc tại cơ quan cấp tỉnh: Trình độ thạc sỹ: 130 triệu đồng; trình độ đại học (tốt nghiệp loại giỏi: 120 triệu đồng; tốt nghiệp loại khá: 70 triệu đồng); Làm việc tại cơ quan cấp huyện: Trình độ thạc sỹ: 150 triệu đồng; trình độ đại học (tốt nghiệp loại giỏi: 140 triệu đồng, tốt nghiệp loại khá: 90 triệu đồng.

[6] Tham gia đào tạo ngắn hạn tập trung được hỗ trợ các khoản sau: 100% học phí, tài liệu theo quy định của cơ sở đào tạo; Tiền ăn 80.000 đồng/người/ngày; Tiền đi lại lượt đi, về theo giá thực tế.

đồng nhân dân thành phố về chính sách áp dụng mức thu phí, lệ phí **bằng 0** khi tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến[7] đối với 82 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Hội đồng Nhân dân thành phố.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp

Cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đã được đẩy mạnh. Đến hết năm 2023, các bộ, ngành đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa **gần 2,5 nghìn** quy định kinh doanh (QĐKD) tại **201** văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); công khai **hơn 15,7 nghìn** QĐKD trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành **15** Quyết định phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa **gần 1,2 nghìn** QĐKD tại **221** VBQPPL; các Hiệp hội, doanh nghiệp, người dân bước đầu tham gia góp ý đối với QĐKD và gửi vướng mắc, đề xuất cải cách quy định trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh. Các bộ, ngành đã cắt giảm, đơn giản hóa **528** TTHC/**1.086** TTHC (khoảng **49%**) để thực thi **19** Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu về dân cư và bảo hiểm thuận lợi hơn cho người dân khi đi khám bệnh. Người dân chỉ cần cung cấp căn cước công dân. Ứng dụng xác thực thông tin sinh trắc trên Căn cước công dân gắn chip trong khám chữa bệnh bảo hiểm y tế để hạn chế và ngăn chặn trục lợi khi đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, quy trình từ **4** bước được rút gọn lại còn **2** bước. Thời gian trung bình cho mỗi lượt xác thực là **6-13** giây so với **10** phút trước đây.

- Việc khai thác dữ liệu, triển khai các dịch vụ công trực tuyến liên thông đã chứng minh được hiệu quả vượt trội so với việc thực hiện từng thủ tục hành chính riêng lẻ.

Ví dụ: với 02 dịch vụ công liên thông "*Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú – Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng*" mới được đưa vào sử dụng chính thức trong năm 2023. Tính đến 20/11/2023, đã tiếp nhận, xử lý hơn **342 nghìn** hồ sơ liên thông khai sinh và hơn **26 nghìn** hồ sơ liên thông khai tử. Giá trị mang lại rất đáng ghi nhận, riêng với BHXH Việt Nam: (1) giúp rút ngắn thời gian chờ cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi từ **05 ngày** xuống còn **02 ngày** (342 nghìn x 3 ngày ~ **khoảng 1 triệu ngày công lao động**); (2) rút ngắn thời gian giải quyết hưởng mai táng phí từ **10 ngày** xuống còn **07 ngày** (26 nghìn x 3 ngày ~ **khoảng 81 nghìn ngày công lao động**).

- Việc liên thông giữa cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

[7] Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 quy định về mức phí, lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng

(Bộ Kế hoạch và Đầu tư) với hệ thống thông tin (HTTT) đăng ký thuế (Bộ Tài chính); HTTT của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và HTTT của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trong quá trình đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 122/2020/NĐ-CP[8] đã tích hợp **04** quy trình vào **01** quy trình. Theo đó, doanh nghiệp sẽ chỉ phải chuẩn bị **01** bộ hồ sơ, kê khai **01** biểu mẫu, thực hiện thủ tục tại **01** cơ quan và nhận **01** kết quả duy nhất. Toàn bộ quy trình trao đổi thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước được số hóa và trao đổi điện tử, giúp quy trình khởi sự kinh doanh ở Việt Nam giảm từ **08** thủ tục với **16** ngày xuống chỉ còn **03** thủ tục với **06** ngày. Tính đến tháng 11/2023, đã có khoảng **650 nghìn** hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 122/2020/NĐ-CP; việc này đã giúp rút ngắn thời gian xử lý, tiết kiệm cho xã hội khoảng **6,5 triệu** ngày công lao động.

- Việc giải quyết thủ tục hành chính ở một số địa phương có sự thay đổi đột phá. Ví dụ: tháng **6/2023**, tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho **02** dự án đầu tư của doanh nghiệp có tổng mức vốn gần **250** triệu USD chỉ trong **12** giờ làm việc kể từ thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh, rút ngắn thời gian giải quyết **14** ngày làm việc so với quy định.

2.3. Phát triển các nền tảng số

a) Kết quả đạt được

- Chương trình chuyển đổi số quốc gia, các chiến lược quốc gia về chuyển đổi số đã xác định triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc là giải pháp để thúc đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia[9]. Bộ TT&TT đã ban hành Chương trình phát triển, thúc đẩy sử dụng các nền tảng số quốc gia[10] gồm **38** nền tảng (**08** cho Chính phủ số; **12** cho kinh tế số; **11** cho xã hội số và **07** nền tảng đa mục tiêu). Mỗi một nền tảng số do một bộ, ngành chủ trì[11]. Tới nay đã đánh giá, công bố **08** nền tảng số quốc gia với tổng lượng người dùng thường xuyên vào khoảng **150** triệu người dùng/tháng.

- Bộ TT&TT, với vai trò cơ quan thường trực của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, đã ban hành các hướng dẫn cụ thể để triển khai, nhấn mạnh vai trò tham gia của **04** bên. Trong đó, bộ ngành có vai trò chủ trì phát triển hoặc đặt hàng triển

---

[8] Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp

[9] Năm 2023, Bộ TT&TT đã tổ chức Diễn đàn quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số lần thứ nhất tại thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định với chủ đề *Mang nền tảng số đến hộ gia đình*. Diễn đàn thu hút được sự tham dự của hơn 1.500 đại biểu, với hơn 700 đại biểu dự Phiên cao cấp của Diễn đàn, trong đó có lãnh đạo của 10 ban, bộ, ngành, 63 địa phương, hơn 400 doanh nghiệp và 10 tổ chức quốc tế.

[10] Quyết định số 2294/QĐ-BTTTT ngày 21/11/2023 sửa đổi, bổ sung Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số tại Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022.

khai các nền tảng số; Doanh nghiệp chủ động phát triển nền tảng số hoặc phát triển theo đặt hàng của bộ ngành chủ trì; Địa phương đóng vai trò thúc đẩy sử dụng; Bộ TT&TT đồng hành cùng các bộ, ngành xây dưng tiêu chí, đánh giá và thúc đẩy sử dụng.

- Bộ TT&TT đã tổ chức đánh giá, công bố **10** nhóm nền tảng thúc đẩy **05** ngành, lĩnh vực trọng điểm; công nhận nền tảng số VTVgo là nền tảng truyền hình số quốc gia; công nhận nền tảng số đạt tiêu chí Nền tảng số tiềm năng trở thành nền tảng số quốc gia đối với: **03** nền tảng số họp trực tuyến thế hệ mới (Viettel Meeting (VMP), Gomeet (VNPT) và Mobifone Meet), 02 nền tảng số học trực tuyến mở đại trà One Touch (VTC NETVIET) và MobiEdu (MobiFone).

- Bộ TT&TT đang tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu xây dựng, vận hành Cổng thông tin nền tảng số tại địa chỉ ndp.gov.vn để cung cấp thông tin, thúc đẩy phát triển, hỗ trợ sử dụng các nền tảng số Việt Nam.

- Bộ TT&TT xác định 10 nhóm nền tảng số dùng chung để tập trung thúc đẩy 5 ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm gồm: (1) Công nghiệp chế biến, chế tạo; (2) Du lịch; (3) Nông nghiệp; (4) Logistics và (5) Dệt may[12].

b) Mô hình thành công

Triển khai thử nghiệm Trợ lý ảo đóng vai trò như một **thư ký riêng**, am hiểu pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ của Tòa án, **làm việc 24/7** và luôn bên cạnh Thẩm phán, giao tiếp với Thẩm phán bằng ngôn ngữ tự nhiên thông qua điện thoại di động, máy tính cá nhân, giúp tiết kiệm **hàng chục tỷ đồng**[13] so với việc tra cứu, tìm kiếm trên văn bản giấy. Kết quả triển khai "Trợ lý ảo" của Tòa án nhân dân tối cao thời gian vừa qua minh chứng cho phương châm tổ chức triển khai chuyển đổi số **bài bản, thực chất, hiệu quả, làm đâu chắc đó, làm đâu dứt đó**.[14]

---

[12] Văn bản số 5113/BTTTT-KTS&XHS ngày 09/10/2023 về giải pháp đột phá để phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực. Theo đó, các bộ, ngành, địa phương dựa trên thế mạnh và lợi thế cạnh tranh của địa phương mình lựa chọn thúc đẩy 10 nhóm nền tảng số dùng chung gồm: (1) Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch; (2) Nền tảng du lịch Việt Nam; (3) Nền tảng sàn giao dịch nông sản; (4) Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; (5) Nền tảng cảng biển số; (6) Nền tảng cửa khẩu số; (7) Nền tảng quản trị và kinh doanh vận tải; (8) Nền tảng giao hàng chặng cuối (last miles); (9) Nền tảng bản đồ số; (10) Nền tảng chuyển đổi số xưởng may.

[13] Việc sử dụng "Trợ lý ảo" đã giúp tiết kiệm nhiều thời gian tra cứu, tìm kiếm, nghiên cứu, xử lý, ra quyết định đối với các vụ án được **đúng bản chất sự việc, đúng pháp luật**. Đây được coi là một bước đi có tính đột phá về chuyển đổi số của ngành Tòa án. Tính đến tháng 11/2023, đã có hơn **3,5** triệu tổng số lượt hỏi đáp. Giả sử mỗi lượt hỏi đáp giúp tiết kiệm được **5** phút công lao động so với tra cứu, tìm kiếm trên văn bản giấy, thì việc sử dụng trợ lý ảo trong ngành tòa án đã giúp tiết kiệm khoảng **(3,5 triệu)**x**(5/60)~291,6 nghìn** (giờ công lao động) x (**200 nghìn** đồng/giờ công lao động theo thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2022) ~ **58,3** tỷ đồng.

[14] "Trợ lý ảo" đã được huấn luyện tri thức như: Chỉ dẫn áp dụng pháp luật đối với từng điều luật của **226** Bộ Luật, Luật chuyên ngành; chỉ dẫn chi tiết đến mức điều khoản điểm cho **61** Bộ Luật, Luật; **221** văn bản ngoài Luật (Quyết định, Thông tư liên tịch, Pháp lệnh, Nghị định) có chỉ dẫn mức điều; **60** văn bản ngoài Luật (Quyết định,Thông tư liên tịch, Pháp lệnh, Nghị định) có chỉ dẫn mức khoản điểm; **52** án lệ và tích hợp **151,3 nghìn** văn

Các nền tảng số lĩnh vực kế hoạch và đầu tư minh chứng cho giá trị của việc quyết tâm chuyển đổi số

- Nền tảng dữ liệu về đầu tư công: Hệ thống đã giúp chuyển đổi số **toàn diện** trong công tác đầu tư công tại các bộ, ngành và địa phương, hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương lập, cập nhật, giao, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm của từng dự án; chương trình phục hồi và phát triển kinh tế...

- Nền tảng dữ liệu về đấu thầu: Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia mới do nhà đầu tư PPP xây dựng, đưa vào vận hành từ ngày 16/9/2022, góp phần **nâng cao hiệu quả, tạo môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí** cho Nhà nước và các đơn vị tham gia dự thầu. Đối với toàn bộ các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực hàng hoá, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn thực hiện qua mạng đạt **99,8%** về số lượng và **92,7%** về giá trị; tương ứng vượt **9,8%** về số lượng và **12,7%** về giá trị so với quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (90% về số lượng gói thầu và tối thiểu 80% tổng giá trị gói thầu).

- Nền tảng dữ liệu về giám sát và đánh giá đầu tư: Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư đã được triển khai từ năm 2016 và hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty đăng ký tài khoản và sử dụng hệ thống đã có trên **46,5 nghìn** dự án được báo cáo trên Hệ thống. Tình hình báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trực tuyến của các cơ quan theo từng kỳ báo cáo được công khai trên Cổng thông tin quốc gia về giám sát và đánh giá đầu tư tại địa chỉ http://giamsatdautuquocgia.mpi.gov.vn, qua đó giúp **hạn chế tình trạng các dự án đầu tư, đặc biệt là từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước bị sử dụng không hiệu quả, lãng phí, gây thất thoát**.

Nền tảng cảng biển số, khẳng định năng lực của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam

Bộ Giao thông vận tải đã chủ trì, phối hợp với Bộ TT&TT thúc đẩy triển khai chuyển đổi số cảng biển và kết nối các cảng biển nhằm nâng cao năng lực,

---

bản pháp luật từ trang luatvietnam.vn; **320** câu hỏi và trả lời chính thức từ nguồn các công văn giải đáp (2016-2021); gần **1,3 nghìn** câu hỏi và trả lời về các tình huống pháp lý từ địa phương gửi lên và các nguồn khác; hơn **1,1 nghìn** quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao, cấp cao và hơn **1,1 triệu** bản án, quyết định lấy từ Trang thông tin công bố bản án, quyết định của Tòa án. Tính đến tháng 11/2023, Toà án nhân dân tối cao đã cung cấp hơn **13 nghìn** tài khoản cho thẩm phán và cán bộ, công chức của Toà án sử dụng Trợ lý ảo; trong đó đã cấp hơn **6 nghìn** tài khoản cho tất cả Thẩm phán của Toà án nhân dân các cấp và số còn lại cấp cho các Thẩm tra viên, Thư ký và các công chức khác trong hệ thống toà án; đã có hơn **3,5** triệu tổng số lượt hỏi đáp; hơn **7 nghìn** cán bộ, công chức sử dụng Trợ lý ảo; **63/63** Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã sử dụng; **3,6 nghìn** lượt đánh giá trong đó có hơn **2,8 nghìn** lượt đánh giá tích cực chiếm **77%**, hơn **1,5 nghìn** đánh giá tương đối hài lòng chiếm **42,8%**.

rút ngắn thời gian thông quan. Tính đến tháng 11/2023, Nền tảng cảng biển số đã được triển khai tại **22/145** cảng biển trên phạm vi toàn quốc (so với năm 2021 chỉ triển khai tại **04** cảng), sử dụng nền tảng số "**Make in Vietnam**", có đủ khả năng cạnh tranh với giải pháp của nước ngoài. Nền tảng giúp giảm thời gian trung bình cho một lệnh giao nhận container cần qua **11 điểm dừng**, cần **6-8 giờ** để hoàn thành chỉ còn **vài phút**. Chi phí triển khai nền tảng cảng biển số chỉ bằng khoảng **10-20%** giải pháp của nước ngoài. Thời gian triển khai nhanh, chỉ vào khoảng **06-08 tuần**, trong khi đó các giải pháp tương tự của nước ngoài cần **52-56 tuần;** có thể khai thác được ngay, tăng hiệu quả đầu tư, tổ chức đào tạo sử dụng được ngay mà **không phải phụ thuộc** vào chuyên gia nước ngoài, qua đó giúp khẳng định được năng lực của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trên sân chơi quốc tế[15].

2.4. Phát triển dữ liệu

a) Kết quả đạt được

- Dữ liệu số quốc gia gồm ba thành phần chính: (1) Dữ liệu số của cơ quan nhà nước phục vụ quản trị công; (2) Dữ liệu số của doanh nghiệp phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh; (3) Dữ liệu cá nhân[16].

- Năm 2023, dữ liệu trong cơ quan nhà nước đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Cơ quan nhà nước đã đưa vào vận hành, khai thác sử dụng chung **07** CSDL quốc gia. Tỷ lệ các bộ, tỉnh đã xác định danh mục cơ sở dữ liệu đạt **64%**[17]. Số cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại các bộ, ngành, địa phương được thiết lập tăng trưởng **38,5%** so với năm **2022**, từ **1.280** CSDL lên **2.087** CSDL. Việc công bố kế hoạch và danh mục dữ liệu mở tăng mạnh từ **9%** lên hơn **52%**[18] so với năm 2022.

- Tình hình triển khai các CSDL quốc gia:

(1) CSDL quốc gia về dân cư: Lưu thông tin của khoảng **99** triệu nhân khẩu, đạt trên **99%** dân số Việt Nam; kết nối với **15** bộ, ngành; **63/63** địa phương; **04** doanh nghiệp. Bộ Công an cũng đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ rà soát,

---

15 Hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử toàn cầu giữa Hãng tàu - Cảng đã được triển khai tại **118** hãng tàu (trong đó có **56** hãng tàu quốc tế và **56** đại lý), trong số các hãng tàu hãng tàu đối tác với CEH, có 02 hãng tàu lớn nhất thế giới là Maesk (Đan Mạch) và MSC (Thụy Sĩ).

16 Báo cáo của IDC: Báo cáo dự báo về dữ liệu có cấu trúc và không có cấu trúc của thế giới 2022 - 2026

17 Các bộ, tỉnh chưa xác định được danh mục cơ sở dữ liệu gồm: Tư pháp, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Văn phòng Chính phủ, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Chính phủ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, TP. Hải Phòng, Kiên Giang, Lai Châu, Lào Cai, Nam Định, Phú Yên, Quảng Ninh, Sơn La, Trà Vinh.

18 Các bộ, tỉnh chưa xác định được danh mục dữ liệu mở gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Văn phòng Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau, Bến Tre, Cần Thơ, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hòa Bình, Hưng Yên, Kiên Giang, Kon Tum, Khánh Hòa, Lai Châu, Lào Cai, Nam Định, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Ninh, Quảng Trị, TP Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, Thừa Thiên Huế, Trà Vinh, Vĩnh Phúc.

cập nhật trên **92** nghìn trường hợp thôi quốc tịch, gần **5** triệu trường hợp thay đổi thông tin trong hộ tịch để phục vụ việc làm sạch dữ liệu.

(2) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Kết nối với **13** bộ, ngành và **63/63** địa phương với khoảng **41 triệu** giao dịch; lưu trữ dữ liệu của hơn **1,6 triệu** doanh nghiệp (khoảng **900 nghìn** doanh nghiệp đang hoạt động) và hơn **200 nghìn** đơn vị trực thuộc doanh nghiệp; lưu trữ thông tin đăng ký của khoảng **2,4 triệu** hộ kinh doanh, trong đó: hơn **260 nghìn** hộ kinh doanh được chuẩn hóa dữ liệu, lưu trữ khoảng **30 nghìn** hợp tác xã và đơn vị trực thuộc. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đạt **92,58%. Từ năm 2018,** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp với các bộ, ngành, địa phương.

(3) CSDL quốc gia về bảo hiểm: Kết nối, chia sẻ dữ liệu với **09** bộ, ngành[19] và một số kết nối, chia sẻ dữ liệu có phạm vi quốc gia; quản lý khoảng **32 triệu** hộ gia đình tham gia bảo hiểm; khoảng **17,1 triệu** người tham gia BHXH; khoảng **88,9** triệu người tham gia BHYT; đã xác thực hơn **93,7 triệu** thông tin nhân khẩu trong CSDL quốc gia về bảo hiểm với CSDL quốc gia về dân cư, trong đó: khoảng **84,7 triệu** người đang tham gia BHXH, BHYT, BHTN, chiếm **96%** tổng số người tham gia (không bao gồm lực lượng vũ trang, thân nhân quân đội). Đồng thời, hệ thống BHXH Việt Nam đã đồng bộ hơn **132 triệu** lượt bản ghi thông tin BHXH, BHYT với CSDL quốc gia về dân cư.

(4) CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc: Hoàn thành triển khai tại **63/63** tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với hơn **50 nghìn** người dùng, cụ thể: khoảng **18 nghìn** tài khoản của công chức tư pháp - hộ tịch, khoảng **32 nghìn** tài khoản của lãnh đạo và văn thư UBND cấp xã. Tính đến tháng 11/2023, hệ thống đã có khoảng **48 triệu** dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó: khoảng **9,6 triệu** trẻ em được cấp số định danh cá nhân theo quy định (khoảng **5,3 triệu** trường hợp đăng ký khai sinh được chuyển sang các cơ quan bảo hiểm xã hội để cấp thẻ bảo hiểm y tế), khoảng **12,3** triệu dữ liệu kết hôn, khoảng **10,5 triệu** dữ liệu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, khoảng **8,2 triệu** dữ liệu khai tử, khoảng **293 nghìn** trường hợp nhận cha mẹ con, khoảng **20,5 nghìn** trường hợp đăng ký giám hộ, khoảng **16,6 nghìn** trường hợp đăng ký nhận nuôi con nuôi, khoảng **889,4 nghìn** dữ liệu cải chính, thay đổi, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.

(5) CSDL đất đai quốc gia:

- Tại Trung ương đã xây dựng, đưa vào quản lý, vận hành và khai thác sử dụng **04** khối dữ liệu đất đai do Trung ương quản lý gồm: (1) CSDL về thống kê, kiểm kê đất đai; (2) CSDL về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; (3) CSDL về giá

[19] Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính (Tổng Cục thuế), Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội Vụ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo (kết nối thử nghiệm).

đất; (4) CSDL về điều tra, đánh giá đất đai.

- Tại địa phương: **63/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai. Cụ thể: **455/705** đơn vị cấp huyện đã hoàn thành CSDL địa chính với hơn 46 triệu thửa đất và đưa vào vận hành; **705/705** đơn vị cấp huyện đã hoàn thành CSDL thống kê, kiểm kê đất đai (từ kỳ kiểm kê năm 2019); **325/705** đơn vị cấp huyện hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; **300/705** đơn vị cấp huyện đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất.

(6) CSDL quốc gia về tài chính: Bộ Tài chính đã xây dựng, hoàn thiện **13** CSDL chuyên ngành phục vụ Đề án xây dựng CSDL quốc gia về tài chính, kết quả cụ thể:

- **11/13** CSDL thành phần như sau: CSDL Thu - chi NSNN (Kho dữ liệu NSNN); CSDL chuyên ngành quản lý Thuế; CSDL chuyên ngành quản lý Kho bạc; CSDL chuyên ngành quản lý Hải quan; CSDL chuyên ngành quản lý Chứng khoán; CSDL chuyên ngành quản lý Giá; CSDL chuyên ngành quản lý Nợ công; CSDL chuyên ngành quản lý Tài sản công; CSDL chuyên ngành Bảo hiểm; CSDL chuyên ngành quản lý, giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp; CSDL danh mục điện tử dùng chung ngành Tài chính.

- **02/13** CSDL đang thực hiện ở giai đoạn đầu tư: *Một là*, CSDL tổng hợp về Tài chính đang trong giai đoạn xây dựng phần mềm; *Hai là*, CSDL chuyên ngành quản lý dự trữ nhà nước đang làm thủ tục trình chủ trương đầu tư dự án.

(7) CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức: Kết nối, đồng bộ dữ liệu với **96** bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương (**33** bộ, ngành, cơ quan Trung ương và **63** tỉnh, thành phố), trong đó: **70** bộ, ngành, địa phương đã đồng bộ dữ liệu (đạt 100%) (gồm **13** bộ, ngành và **57** địa phương), các đơn vị còn lại đang tiếp tục đồng bộ dữ liệu về bảo đảm đủ số liệu của giai đoạn 1. Tổng số dữ liệu được đồng bộ tự động về CSDL quốc gia đến thời điểm này là gần **2,3 triệu** hồ sơ, trong đó: bộ, ngành là gần **218 nghìn** hồ sơ (đạt **80,3%**), địa phương là **hơn 2 triệu** hồ sơ (đạt **99%**).

- Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định của Chính phủ về CSDL quốc gia, quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, thẩm quyền phê duyệt danh mục CSDL quốc gia. Sau khi Nghị định được thông qua, Bộ TT&TT là đầu mối tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục CSDL quốc gia. Dự kiến, danh mục CSDL quốc gia gồm khoảng 30 CSDL quốc gia thuộc các lĩnh vực KT-XH khác nhau, trong đó: 14 CSDL quốc gia thuộc các lĩnh vực ưu tiên triển khai đến năm 2025 gồm: dân cư; đất đai; doanh nghiệp; hạ tầng không gian địa lý; bảo hiểm; y tế; an sinh xã hội; tài chính; giáo dục và

đào tạo; cán bộ công chức, viên chức; nông nghiệp; lao động, việc làm; phương tiện giao thông và xây dựng.

- Năm 2023, việc tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô quốc gia đã có những chuyển biến rõ rệt, tạo ra những giá trị cụ thể thực tế (*như: thuận lợi, giúp tiến kiệm thời gian, chi phí khi xử lý thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến*), qua đó người dân, doanh nghiệp và chính cơ quan nhà nước đã nhận thấy rõ nét về giá trị của dữ liệu.

b) Mô hình thành công

- Việc kết hợp dữ liệu dân cư, dữ liệu bảo hiểm xã hội đã tạo ra những giá trị mới, cộng hưởng lên nhiều lần mà mỗi dữ liệu đứng một mình không thể làm được, cụ thể: Đến tháng 11/2023, **100%** cơ sở khám chữa bệnh BHYT đã triển khai khám chữa bệnh BHYT bằng CCCD gắn chip (*nhờ tra cứu thông tin từ CSDL quốc gia về dân cư*), với hơn **54 triệu** lượt tra cứu thông tin thành công; giúp tiết kiệm thời gian trung bình làm thủ tục từ **10 phút đến vài giờ**, nay xác thực tại máy chỉ còn **khoảng 6-15** giây cho một bệnh nhân (*với **170 triệu** lượt khám chữa bệnh BHYT hàng năm, nếu triển khai đầy đủ trong tương lai có thể tiết kiệm cho người bệnh, cho xã hội thời gian và chi phí rất lớn mỗi năm*); giúp các cơ sở khám chữa bệnh tiết kiệm được tổng thời gian tiếp đón từ khoảng **1 đến 1,5 giờ;** giúp **nâng cao tính chính xác và năng lực quản lý dựa trên dữ liệu**; tạo điều kiện **tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trên môi trường điện tử**; **hạn chế gian lận, trục lợi trong khám chữa bệnh BHYT**... qua đó giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác khám chữa bệnh BHYT, đảm bảo tốt hơn quyền lợi của người tham gia BHYT.

- Thực tế, trong nhiều năm việc triển khai các CSDL quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số Việt Nam còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu cuộc sống. Điển hình, CSDL quốc gia về dân cư, "**khởi động**" từ những năm 2010, mất đến khoảng **10** năm để "**vượt chướng ngại vật**", bắt đầu "**tăng tốc**" từ năm 2020, kết quả sau chiến dịch thần tốc, **đầy quyết tâm** với **500** ngày đêm, CSDL quốc gia về dân cư được hoàn thành, đưa vào khai thác (từ tháng 7/2021). Hay như, CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức được triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô quốc gia với tiến độ **thần tốc** (*trong vòng 06 tháng đạt khoảng **95%** cơ quan, đơn vị*) so với thời gian để các CSDL quốc gia trước đó đạt mức độ bao phủ tương tự. Đây là kết quả thể hiện sự quan tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là sự "**quyết tâm**", quyết liệt của Bộ Nội vụ; kết hợp với sự phối hợp nhịp nhàng của các bộ, ngành, địa phương; năng lực triển khai hệ thống lớn của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

- Thành phố Đà Nẵng đã triển khai Cổng dịch vụ dữ liệu với hơn **1 nghìn** tập dữ liệu mở và Kho dữ liệu điện tử. Kho dữ liệu điện tử phục vụ công dân cho

phép lưu trữ các giấy tờ điện tử của công dân là kết quả của thủ tục hành chính và sử dụng chính thức trong những lần thực hiện dịch vụ công trực tuyến tiếp theo mà không cần phải sao, chụp và tải lên hệ thống. Đặc biệt, người dân có thể chia sẻ giấy tờ từ kho dữ liệu cho các bên mà vẫn được chấp nhận khi nộp hồ sơ xử lý các thủ tục. Để triển khai hiệu quả, **12 nghìn** thành viên của **2,4 nghìn** Tổ công nghệ số cộng đồng đã "đi từng ngõ, gõ từng nhà" để hỗ trợ người dân đăng ký, sử dụng. Hiện đã có khoảng **240 nghìn** người dân thành phố Đà Nẵng đăng ký và được hưởng lợi ích này.

- Chia sẻ dữ liệu càng nhiều, giá trị mới tạo ra càng nhiều: Năm 2023, nền tảng NDXP đã kết nối với hệ thống của **103** cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; **10** CSDL và **15** hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP năm 2023 đạt khoảng **650 triệu** giao dịch; trung bình hằng ngày có khoảng **1,78 triệu** giao dịch thực hiện thông qua nền tảng. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP từ khi đưa vào sử dụng (năm 2019) đến nay là hơn **1,67 tỷ** giao dịch. Hiệu quả ban đầu mang lại rất lớn, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí của xã hội; ước tính đạt **hàng trăm tỷ đồng**[20].

- Để có nguồn kinh phí nhằm bảo đảm CSDL quốc gia về dân cư hoạt động được liên tục, ổn định, thông suốt, tin cậy, an toàn, an ninh mạng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số của người dân, doanh nghiệp ngày càng cao, Bộ Công an đã phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 48/2022/TT-BTC ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2.5. Phát triển hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối **04** cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn

---

[20] Một số lợi ích từ việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô quốc gia: (1) Phát triển các dịch vụ, tiện ích theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, người dân, doanh nghiệp không phải kê khai, cung cấp thông tin thủ công nhiều lần, đi lại nhiều nơi; (2) Tổng hợp thông tin, dữ liệu từ nhiều nguồn để tạo kho dữ liệu dùng chung của bộ, ngành địa phương bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành được hiệu quả; (3) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan nhà nước không phải nhập thông tin thủ công, thao tác nghiệp vụ trên nhiều phần mềm khác nhau; (4) Tăng cường hiệu quả khai thác các dữ liệu dùng chung trong nội bộ, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí; (5) Cho phép cung cấp dữ liệu mở ra bên ngoài phục vụ khu vực tư xây dựng, phát triển hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ mới cho xã hội; đồng thời cho phép thu thập dữ liệu từ các đối tượng từ khu vực tư mà cơ quan nhà nước cần quản lý phục vụ việc giám sát thực thi pháp luật, điều hành chính sách vĩ mô. Với các lợi ích bên trên, giả sử 01 giao dịch thành công thông qua NDXP giúp tiết kiệm khoảng **100 đồng** (thực tế có thể cao hơn) cho xã hội, thì năm 2023 việc các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp kết nối, chia sẻ dữ liệu qua NDXP đã góp phần tiết kiệm khoảng **65** tỷ đồng; còn tính từ khi đưa vào khai thác đã góp phần tiết kiệm cho xã hội khoảng **165** tỷ đồng.

kết nối các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số. Đến nay, Mạng đã kết nối đến **100%** huyện, **100%** xã trên toàn quốc.

- Số bộ, ngành, địa phương đã triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đạt **71,43%**. Việt Nam có **9** doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, **43** trung tâm dữ liệu trên toàn quốc, với tổng số **571 nghìn** máy chủ, **54,7 triệu** lõi vật lý.

- Tốc độ truy cập mạng băng rộng cố định đạt 104,08 Mbps, tăng 31,9% so với cùng kỳ năm 2022, xếp thứ 41 và cao hơn trung bình thế giới là 87,79 Mbps. Việt Nam đứng thứ 4 sau Singapore[21], Thái Lan, Malaysia ở khu vực Đông Nam Á. Tốc độ truy cập mạng băng rộng di động đạt 44,92 Mbps, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2022, xếp thứ 57 và thấp hơn trung bình thế giới là 48,47 Mbps.

- Về tốc độ mạng di động băng rộng, Việt Nam xếp vị trí thứ 4 tại khu vực, sau Singapore[22], Brunei và Malaysia. Tốc độ mạng của Việt Nam năm 2023 tăng từ **15-30**% so với năm 2022, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các dịch vụ yêu cầu tốc độ cao, các nội dung truyền thông đa phương tiện.

- Về phủ sóng đối với các thôn lõm sóng: Tính đến tháng 12/2023, cả nước có **620** thôn lõm sóng. Trong đó có **502** thôn thuộc khu vực đặc biệt khó khăn và **118** thôn không thuộc khu vực đặc biệt khó khăn, bao gồm các thôn vẫn chưa có điện lưới.

- Việc triển khai dịch vụ Mobile Money: Tính hết tháng 11/2023, việc triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money tiếp tục đạt được mục tiêu góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, cũng như đảm bảo việc thí điểm dịch vụ an toàn, đúng quy định. Một số kết quả cụ thể như sau:

+ Tổng số khách hàng đạt hơn 6,7 triệu khách hàng, trong đó số lượng khách hàng ở **nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa** đạt gần **4,8 triệu**, chiếm **71%**.

+ **Khoảng 11,9 nghìn** điểm kinh doanh đã được thiết lập, tổng số đơn vị chấp nhận thanh toán đạt **hơn 233 nghìn** đơn vị, cung cấp các dịch vụ thiết yếu như điện nước, giáo dục, viễn thông, hành chính công.

+ Tổng số lượng các giao dịch (nạp, rút, chuyển tiền, thanh toán) bằng Mobile Money là hơn **61 triệu** giao dịch với tổng giá trị giao dịch hơn **2,8 nghìn** tỷ đồng.

b) Mô hình thành công

---

[21] Singapore xếp hạng 1 với tốc độ trung bình 264,15 Mbps, Thái Lan xếp hạng 6, tốc độ trung bình 218,94 Mbps, Malaysia xếp hạng 37, tốc độ trung bình 110,8 Mbps

[22] Singapore xếp hạng 19, tốc độ trung bình 89,45 Mbps, Brunei xếp hạng 23, tốc độ trung bình 85,13 Mbps và Malaysia xếp hạng 38, tốc độ trung bình 66,84 Mbps.

- Từ thực tiễn triển khai tại tỉnh Quảng Ninh: Hạ tầng số là một trong yếu tố quyết định chất lượng ứng dụng, dịch vụ số và cần phải **đi trước một bước, làm tập trung, làm nhanh, làm đồng bộ, hiện đại, sử dụng điện toán đám mây**, tránh việc đầu tư nhỏ lẻ, manh mún. Xây dựng hạ tầng luôn là **việc lớn, việc khó**, do vậy, Tỉnh đã đưa chủ trương, định hướng xây dựng, phát triển hạ tầng số vào Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Tỉnh để thể hiện sự **thống nhất trong nhận thức, quyết tâm ở lãnh đạo cấp cao nhất**, từ đó dẫn đến sự thống nhất, quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo, hành động xuyết suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hạ tầng số **đồng bộ, hiện đại** đã góp phần quyết định chất lượng (thông suốt, ổn định, tin cậy, an toàn, an ninh mạng) cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xử lý thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ, tiện ích kinh tế số, xã hội số, cũng như hiệu quả hoạt động của nền hành chính thời gian qua[23].

2.6. Phát triển nhân lực chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Việt Nam có khoảng **1,5** triệu lao động đang làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ số[24]. Việt Nam hiện có khoảng **168** trường đại học và **520** trường nghề có đào tạo về ICT. Hiện nay, hàng năm, tổng số tốt nghiệp đạt trên **84 nghìn**, với khoảng **50 nghìn** đại học, khoảng **34 nghìn** cao đẳng, trung cấp; tổng số chỉ tiêu tuyển sinh khoảng **100 nghìn**. Năm 2023 chứng kiến làn sóng sa thải hàng loạt nhân sự công nghệ trên toàn cầu[25] và Việt Nam không phải ngoại lệ. Tuy nhiên, theo dự báo tại Việt Nam, một số vị trí việc làm có nhu cầu tuyển dụng ngày một cao, thị trường chưa đáp ứng được như Kỹ sư dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo, Điện toán đám mây.

---

[23] - **100%** thủ tục hành chính của tỉnh Quảng Ninh đều được rút ngắn từ **30% - 70%** thời gian giải quyết so với quy định của cơ quan Trung ương. Thực tiễn có đến hơn **60%** hồ sơ được giải quyết trước hạn. **Đặc biệt**, ngày 29/6/2023, tỉnh Quảng Ninh tổ chức Lễ trao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với **02** dự án (Nhà máy FECV Foxconn Quảng Ninh và Nhà máy FMMV Foxconn Quảng Ninh) của Công ty Foxconn Singapore PTE LTD tại KCN Sông Khoai (thị xã Quảng Yên), với tổng vốn đầu tư khoảng 250 triệu USD. Cả 02 dự án đều được cấp Giấy chứng nhận đầu tư chỉ trong **12 giờ** làm việc, kể từ thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công của Tỉnh (***rút ngắn thời gian giải quyết 14 ngày làm việc so với quy định***).

- Đưa **334/334** sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử; thí điểm triển khai **mô hình chợ 4.0** (đã có **22** mô hình), ứng dụng mô hình sản xuất thông minh, quản lý thông minh tại các doanh nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn Tỉnh...

- **100%** hợp đồng điện tử trong các doanh nghiệp điện, nước, viễn thông trên địa bàn; **100%** doanh nghiệp, **95%** hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử; tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn đạt trên **85%**[23].

- Triển khai mô hình "xã, phường chuyển đổi số" trên toàn thị xã Quảng Yên và thí điểm tại xã Việt Dân - thị xã Đông Triều.

[24] Trong đó, tỉ lệ lao động phần cứng điện tử (69,54%), phần mềm (15,13%), nội dung số (0,22%), dịch vụ CNTT (4,39%), buôn bán phân phối (10,71%).

[25] Theo Layoffs.fyi, số lượng nhân sự công nghệ bị sa thải năm 2023 cao hơn cả năm 2020 và năm 2021 cộng lại. Amazon là nơi có nhiều công nhân bị sa thải nhất trong 12 tháng qua (27.410 công nhân), tiếp theo là Meta (21.000), Google (12.115) và Microsoft (11.158).

- Tổ chức triển khai Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022:

+ Triển khai các khóa học trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs): Bộ TT&TT đã chủ trì tổ chức **60** khóa học về chuyển đổi số trên Nền tảng MOOCS cho **305 nghìn** lượt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan nhà nước; **20** khóa phổ cập kỹ năng số cho người dân với **23 triệu** lượt người truy cập học trên Nền tảng; **02** khóa tập huấn cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng.

+ Hỗ trợ **11** bộ, ngành và **43** địa phương sử dụng miễn phí Nền tảng MOOCS. Các bộ, ngành, địa phương đã sử dụng nền tảng do Bộ TT&TT hỗ trợ để tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho hơn **140 nghìn** cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

+ Tính đến tháng 12/2023, Bộ TT&TT đã công nhận 02 Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (One Touch của VTC và MobiEdu của MobiFone) đạt tiêu chí Nền tảng số tiềm năng trở thành nền tảng số quốc gia.

- Triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ):

+ Tính đến tháng 11/2023, 63/63 tỉnh, thành phố đã thành lập **80,7 nghìn** Tổ CNSCĐ và gần **379 nghìn** thành viên tham gia Tổ CNSCĐ cấp xã, thôn, phố; **54/63** tỉnh, thành phố hoàn thành 100% đến cấp xã. Mỗi Tổ CNSCĐ có khoảng **04** đến **09** thành viên, trong đó Tổ trưởng các tổ dân phố, Công an khu vực, Ban chấp hành Đoàn Thanh niên (các chi đoàn, đoàn cơ sở) và Doanh nghiệp công nghệ số là lực lượng nòng cốt.

+ Các thành viên của Tổ CNSCĐ có nhiệm vụ *"**đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người**"* biết, hiểu và thực hiện **05** nội dung kỹ năng số cơ bản: (1) Sử dụng DVCTT; (2) Mua sắm trực tuyến; (3) Thanh toán trực tuyến; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng; (5) Sử dụng nền tảng số khác tùy đặc thù của địa phương.

- Bộ TT&TT đã ban hành Công văn số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh. Thực hiện các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên tuyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.

- Bộ TT&TT đã chỉ đạo, phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số (CA) công cộng được cấp phép liên tục chủ trì tổ chức các hội thảo về chữ ký số

và dịch vụ chứng thực chữ ký số tại các địa phương nhằm góp phần đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đồng thời tuyên truyền cho người dân và toàn xã hội hiểu rõ hơn về lợi ích và cách thức sử dụng chữ ký số, tạo hạ tầng thuận lợi phát triển kinh tế số, xã hội số. Tính đến hết quý III/2023, Bộ TT&TT đã phối hợp cùng Sở TT&TT các tỉnh, thành phố; Câu lạc bộ Chữ ký số và giao dịch điện tử Việt Nam và các CA công cộng triển khai ký kết các biên bản ghi nhớ phối hợp triển khai thúc đẩy phổ cập chữ ký số tại **15** địa phương gồm Bà Rịa - Vũng Tàu, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Yên Bái, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, thành phố Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hòa Bình, Bình Định, Sóc Trăng và Quảng Ngãi.

- Bộ TT&TT đã phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, ban hành Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 về việc ban hành bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông Việt Nam đã phối hợp với Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng xây dựng, hoàn thiện dự thảo Đề án thí điểm triển khai mô hình giáo dục đại học số.

b) Mô hình thành công

Thành phố Đà Nẵng đã tổ chức phát triển nguồn nhân lực số và nhận thức số một cách bài bản đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số **nhanh và bền vững**:

- Phát triển nhân lực số: Cách tiếp cận "2 cần + 1 đẩy mạnh":

Để tạo sự chuyển biến căn bản trong nhân lực số có thể áp dụng phương châm hành động **2 cần + 1 đẩy mạnh**: (1) Một là, **cần** có Kế hoạch triển khai đồng bộ, tổng thể trong tất cả các khu vực, nhóm đối tượng; (2) Hai là, **cần** có cách tiếp cận riêng phù hợp và nội dung đào tạo tương ứng mỗi nhóm đối tượng; (3) Ba là, **đẩy mạnh** truyền thông và phát huy vai trò Tổ CNSCĐ để đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân, hộ gia đình kỹ năng ứng dụng công nghệ số.

- Nhận thức số: Cách tiếp cận "3 cần":

Để tạo sự chuyển biến căn bản trong nhận thức số có thể áp dụng phương châm hành động **3 cần**: (1) Một là, **cần** sự gương mẫu vào cuộc của cả hệ thống chính trị, quyết tâm cao nhất của cấp ủy, người đứng đầu các cơ quan, vai trò tiên phong của mỗi cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên thanh niên, Tổ Công nghệ số cộng đồng; (2) Hai là, **cần** xây dựng chiến lược, kế hoạch truyền thông tổng thể về chuyển đổi số để triển khai nhất quán, xuyên suốt toàn thành phố; (3) Ba là, **cần** nội dung truyền thông đảm bảo yếu tố đại chúng, ngắn gọn, gần gũi, dễ hiểu, có chủ đề, chủ điểm, hình thức truyền thông đa dạng, đa kênh, chú trọng các kênh truyền thông số, các mô hình tuyên truyền trực quan sinh động.

Đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo nhân lực công nghệ số, Học viện Công nghệ bưu chính Viễn thông và Công ty cổ phần công nghệ VMO Holdings triển khai mô hình hợp tác đào tạo "**3** hóa": doanh nghiệp hóa, chứng chỉ hóa và quốc tế hóa. Doanh nghiệp tham gia xây dựng giáo trình, đồng hành với **30%** thời lượng giảng dạy bởi chuyên gia đến từ doanh nghiệp. Chương trình đào tạo chuyên môn và kỹ năng mềm theo chuẩn quốc tế, chứng chỉ quốc tế, ứng dụng nền tảng số, thực hành trực tuyến. Thời gian đào tạo được rút ngắn từ **4,5** năm xuống còn **3,5** năm.

- Đào tào nhân lực du lịch số, ezCloud – doanh nghiệp cung cấp nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch đã hợp tác với khoảng **20** trường đại học[26], cao đẳng trên toàn quốc để đưa nền tảng vào chương trình giảng dạy của nhà trường. Ngoài việc học lý thuyết, sinh viên thực hành các nghiệp vụ quản trị du lịch ngay trên chính nền tảng ezCloud. Từ đó, hình thành lực lượng lao động có kỹ năng số, có thể làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp.

- Với cách tiếp cận tương tự, đào tạo nhân lực logistics, chuyển đổi số cảng biển, Trường Đại học Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đã phối hợp với công ty Viet Nam SmartHub Logistics (VSL) để đưa nền tảng cảng biển số vào phục vụ công tác giảng dạy, thực hành cho **1 nghìn** sinh viên.

2.7. An toàn, an ninh mạng

a) Kết quả đạt được:

- Tỷ lệ HTTT của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn HTTT: Theo báo cáo của các bộ, ngành và địa phương, tính đến tháng 11/2023, tổng số HTTT của cả nước là gần **3,2 nghìn** hệ thống, trong đó số HTTT được phê duyệt cấp độ là hơn **2 nghìn** hệ thống, đạt tỷ lệ **65%**, tăng **10,2%** so với năm 2022. Số lượng lớn trong đó chưa được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã phê duyệt.

- Tính đến hết tháng 11/2023, tổng các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng là khoảng **3,8 nghìn** website (trong đó: **hơn 500** website thuộc các bộ, ngành và hơn **3,2 nghìn** thuộc **59** tỉnh/thành phố) đã được kiểm duyệt và đạt chứng nhận. Tỷ lệ cơ quan nhà nước được gán nhãn là **86%** (bộ, ngành đạt 70% (21/30), tỉnh/thành phố đạt 93,7% (59/63)).

- Số cuộc tấn công mạng vào các HTTT tại Việt Nam: Năm 2023, Bộ TT&TT

---

[26] Một số trường đại học, cao đẳng tiêu biểu đang sử dụng nền tảng ezCloud trong công tác giảng dạy gồm có: Trường Đại học Mở Hà Nội, Trường Cao đẳng Du lịch Vũng Tàu, Trường Đại học Đà Lạt, Trường Cao đẳng du lịch Sài Gòn, Trường Cao đẳng Việt Mỹ Sài Gòn, Trường Đại học Công nghiệp Vinh, Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Hà Nội.

đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý hơn **12,8 nghìn** cuộc tấn công, trong đó, có 11,5 nghìn cuộc Phishing (giả mạo), khoảng 500 cuộc Deface (thay đổi giao diện), hơn 800 cuộc Malware (mã độc), **tăng 5,3%** so với năm 2022; hơn **3,3 nghìn** website vi phạm, lừa đảo đã bị ngăn chặn, qua đó giúp bảo vệ **3,6 triệu** người dân trên môi trường trực tuyến. Số lượng địa chỉ IP Việt Nam nằm trong các mạng botnet (mạng máy tính ma) là **456,7 nghìn** địa chỉ, giảm **4,7%** so với cùng năm 2022 (479,1 nghìn địa chỉ).

- Doanh thu an toàn thông tin mạng: Hệ sinh thái sản phẩm an toàn thông tin mạng trong nước đã sản xuất được **21/22** chủng loại sản phẩm trọng điểm (đạt tỉ lệ **95,5%**). Doanh thu năm 2023 ước đạt khoảng **4,2 nghìn** tỷ đồng.

- Để đảm bảo an toàn thông tin cho HTTT, cho không gian mạng Việt Nam, Bộ TT&TT vẫn tiếp tục tăng cường công tác giám sát an toàn HTTT, chủ động rà quét trên không gian mạng Việt Nam; đánh giá, thống kê và tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, cảnh báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dùng biết, phòng tránh và tiếp tục có các văn bản cảnh báo cho các bộ, ngành, địa phương và các thành viên trong mạng lưới ứng cứu sự cố để đôn đốc việc rà soát điểm yếu lỗ hổng, dấu hiệu tấn công mạng.

- Bộ TT&TT phát triển nền tảng và tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng. Thúc đẩy phát triển Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC); đồng thời trong triển khai đánh giá các nên tảng số luôn có 01 yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin.

- Bộ TT&TT tổ chức triển khai ký số từ xa, Chương trình phối hợp triển khai thúc đẩy phổ cập chữ ký số tại 18 tỉnh[27], ký MOU giữa Sở TT&TT, câu lạc bộ chữ ký số và 07 CA (RS). Kết quả, 260,5 nghìn chứng thư số cá nhân đã được cấp miễn phí tại 18 tỉnh (tính đến 31/10/2023). Tổ chức gian hàng cấp chữ ký số miễn phí cho người dân thủ đô tại Phố đi bộ Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tính từ tháng 4/2023 đến nay, đã có gần 2 nghìn chứng thư số được cấp miễn phí theo chương trình này.

- Bộ TT&TT triển khai các giải pháp hỗ trợ, giảm giá sử dụng chữ ký số: khuyến mại giảm 30% giá dịch vụ USB token; miễn phí chứng thư số theo mô hình ký số từ xa cho người dân sử dụng trong các dịch vụ hành chính công thời hạn 01 năm từ thời điểm đăng ký; khuyến mại 20% hóa đơn điện tử; tặng gói BHXH 01 năm.

---

[27] Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Ninh, Bình Định, Đắk Lắk, Điện Biên, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, TP. Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Hòa Bình, Sóc Trăng, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Thừa Thiên Huế, Yên Bái.

b) Mô hình thành công

- Trong năm 2023 (tính đến tháng 11/2023), Nền tảng tín nhiệm mạng (do Bộ TT&TT quản lý) đã đạt được các kết quả: Có khoảng **450 triệu** lượt người tiếp cận (**tăng khoảng 150%** so với năm 2022); tiếp nhận hơn 1 tỷ truy vấn (**tăng khoảng 166%** so với năm 2022); trung bình hằng ngày có khoảng **1,3 triệu** lượt người tiếp cận (tương ứng với khoảng **15** người tiếp cận/giây), tiếp nhận, xử lý khoảng **3,1 triệu** yêu cầu/ngày (khoảng **35** yêu cầu/giây). Hiệu quả mang lại là rất đáng ghi nhận, góp phần vào việc tạo **niềm tin** cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước khi thực hiện các giao dịch trên môi trường mạng, cụ thể:

Một là, giúp người sử dụng dịch vụ nhận diện cổng/trang thông tin điện tử, cung cấp **dịch vụ tin cậy, hạn chế rủi ro bị lừa đảo**; *Hai là*, giúp tăng mức độ xác thực và tin cậy, giám sát, **phát hiện sớm**, từ đó có giải pháp **khắc phục kịp thời** một số vấn đề về mất an toàn thông tin mạng cho cổng/trang thông tin điện tử, cung cấp dịch vụ của tổ chức.

- Nền tảng quốc gia Hỗ trợ điều tra số (do Bộ TT&TT quản lý) thay đổi hoàn toàn cách tiếp cận về điều tra số khi sự cố xảy ra: *Một là*, cho phép các chuyên gia hỗ trợ ứng cứu, phân tích, điều tra số **từ xa, trực tuyến**; *Hai là*, cho phép phân tích, điều tra số trên một phạm vi rộng lớn lên đến **hàng trăm, hàng ngàn máy tính đồng thời, tự động**; *Ba là*, cho phép đào tạo, thực hành **nâng cao năng lực** chuyên gia; *Bốn là*, cung cấp **đầy đủ các tri thức** về ứng cứu sự cố, điều tra số cho cộng đồng. Từ khi đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, giúp giảm thời gian hỗ trợ ứng cứu sự cố giảm xuống còn trung bình **từ 2-3 ngày** để điều tra nguyên nhân **thay vì 2-3 tuần** theo cách truyền thống; hỗ trợ, ứng cứu cho nhiều sự cố đã xảy ra[28].

- Bộ công cụ an toàn thông tin: Bộ TT&TT đã nghiên cứu, phát triển và làm chủ hoàn toàn về công nghệ bộ **05**[29] giải pháp an toàn thông tin Make in Viet Nam, qua đó cho phép triển khai giám sát, điều hành an toàn thông tin quy mô quốc gia, bảo vệ toàn diện ở các lớp mạng, ứng dụng, cơ sở dữ liệu và thiết bị đầu cuối. Năm (05) giải pháp trên được sử dụng để **hỗ trợ Lào** xây dựng Hệ thống Giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC)[30], nhằm củng cố mối quan hệ quốc gia tốt đẹp giữa Việt Nam và Lào trong lĩnh vực TT&TT; hỗ trợ **17** bộ, ngành, địa

---

[28] Sở TT&TT Thái Nguyên (tháng 6/2023): điều tra **41** máy chủ, kết quả phát hiện **08/41** máy chủ bị xâm nhập; CMC Global: bị tấn công xâm nhập, với **39** máy chủ được lựa chọn để điều tra, chỉ mất 02 ngày phân tích, điều tra để phát hiện ra **17/39** máy chủ bị xâm nhập, phát hiện **06** địa chỉ máy chủ điều khiển của kẻ tấn công và nguyên nhân khiến hệ thống bị xâm nhập từ đó đưa ra giải pháp xử lý nhanh sự cố. Trong khi đó với cách tiếp cận truyền thống, công ty CMC Cyber đã tập trung toàn bộ nguồn lực (gần **20** chuyên gia), phân tích **03 tuần** nhưng không có kết quả.

[29] Quản lý và phân tích sự kiện an toàn thông tin (SIEM), Tường lửa ứng dụng Web (WAF), Nền tảng tri thức mối đe dọa an toàn thông tin (NIP), Điều phối, tự động hóa và phản ứng an toàn thông tin (SOAR), Phát hiện và phản ứng sự cố an toàn thông tin trên thiết bị đầu cuối (EDR).

[30] Với giá trị khoảng 2 triệu USD.

phương triển khai các biện pháp an toàn, an ninh mạng đáp ứng yêu cầu kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Thực tế triển khai công tác chuyển đổi số tại các bộ, ngành, địa phương thời gian qua cho thấy còn một số tồn tại, hạn chế cơ bản như sau:

a) Về mức độ hoàn thành các chỉ tiêu: Nhiều chỉ tiêu không có số liệu do các bộ, ngành, địa phương không báo cáo, nguyên nhân nhận định do các bộ, ngành đang triển khai, chưa có kết quả hoặc lúng túng trong cách đo lường đánh giá.

b) Về môi trường pháp lý:

- Việc tổ chức thực hiện **19** Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư còn chậm, chưa đầy đủ, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực. Phần lớn các bộ, ngành, chưa hoàn thành việc rà soát cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giấy tờ liên quan đến quản lý dân cư, chưa công bố để các địa phương thực hiện.

- Về kết quả rà soát văn bản phục vụ Đề án 06, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, hiện có 92 kiến nghị liên quan đến 74 văn bản và 03 vấn đề không thuộc phạm vi văn bản cần rà soát hoặc chưa chính xác, hợp lý[31]; có 34 kiến nghị đối với 29 văn bản cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá[32].

- Các căn cứ pháp lý về việc sử dụng dữ liệu trong các CSDL, HTTT chuyên ngành có giá trị chứng minh, tương đương với giấy tờ bản giấy là chưa đầy đủ, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực. Do đó, người dân, doanh nghiệp vẫn phải nộp giấy tờ liên quan ở dạng bản giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công, dẫn đến không thúc đẩy kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu số, nhiều trường hợp còn làm tăng thêm việc, tăng thêm thời gian xử lý.

c) Về phát triển các nền tảng số:

- Việc triển khai nền tảng số quốc gia còn chậm, đặc biệt là **06** nền tảng số cơ bản có thể cung cấp như dịch vụ: thiết bị IoT, trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo, danh tính số, chữ ký số cá nhân, an toàn thông tin ở mức cơ bản cho người dân khi hiện diện và tham gia vào các hoạt động trên môi trường mạng.

- Các bộ, ngành quan tâm thực hiện đánh giá, công bố các nền tảng số quốc gia để địa phương tham khảo, sử dụng. Đa số các nền tảng mới chỉ đáp ứng được

---

[31] 83 kiến nghị đối với 65 văn bản của trung ương (gồm 10 luật, 34 nghị định, 21 thông tư) và 03 vấn đề khác; 09 kiến nghị đối với 09 văn bản của cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gồm 01 nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, 08 quyết định của UBND cấp tỉnh).

[32] 17 kiến nghị đối với 12 văn bản của trung ương (gồm 01 luật, 07 nghị định, 04 thông tư); 17 kiến nghị liên quan đến 17 văn bản của cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gồm 07 nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, 10 quyết định của UBND cấp tỉnh)

yêu cầu chức năng và yêu cầu an toàn, an ninh mạng ở mức cơ bản. Các nền tảng chưa tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh mạng.

- Tiếp tục tập trung hoàn thành triển khai các nền tảng số theo kế hoạch và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

d) Về phát triển dữ liệu:

- Các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, HTTT có quy mô từ trung ương đến địa phương có tính chất nền tảng chậm được triển khai, đưa vào khai thác trên quy mô quốc gia (điển hình như Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia).

- Nhiều CSDL, HTTT, nền tảng số đã được xây dựng, đưa vào vận hành trong cơ quan nhà nước, tuy nhiên, vẫn chưa có quy định chung, cụ thể về bố trí kinh phí cho việc vận hành, duy trì. Điều này tạo nên một "**rào cản**" lớn trong việc bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt, tin cậy, an toàn, an ninh mạng của các hệ thống, đặc biệt là các hệ thống quan trọng phục vụ người dân, doanh nghiệp, hoạt động của nền hành chính.

- Hiện chưa có các tiêu chí đánh giá cụ thể về mức độ phát triển dữ liệu của cơ quan nhà nước.

- Dữ liệu của doanh nghiệp nằm một cách rời rạc, cục bộ, khép kín trong phạm vi của mỗi doanh nghiệp.

- Dữ liệu cá nhân vẫn bị khai thác, mua bán trái pháp luật. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân đã thiết lập hành lang pháp lý nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức trong việc cân bằng giữa quản lý và phát triển.

e) Về hạ tầng số:

- Hạ tầng viễn thông: Vẫn có nhiều vùng lõm sóng viễn thông; tốc độ mạng băng rộng cố định, di động vẫn là mức trung bình khá của thế giới; tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang băng rộng người trưởng thành có điện thoại thông minh chưa phủ kín; dẫn đến chưa tạo bước đột phá về điều kiện tiên quyết phổ cập ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số quốc gia tổng thể, toàn diện.

- Hạ tầng dữ liệu: Đa phần trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ chưa đáp ứng được yêu cầu về sự ổn định, tin cậy, an toàn thông tin mạng, dẫn đến có hiện tượng chậm, nghẽn trong xử lý.

- Việc cung cấp máy tính trong Chương trình "Sóng và máy tính cho em" chưa hoàn thành.

f) Về nhân lực:

- Tồn tại, hạn chế dai dẳng là chất lượng đào tạo. Khảo sát của TopDev là một tổ chức tuyển dụng uy tín cho thấy chỉ có khoảng **30%** sinh viên tốt nghiệp đáp ứng kỹ năng và chuyên môn của nhà tuyển dụng. Sinh viên đào tạo ra không đáp ứng yêu cầu phải đào tạo lại hoặc chuyển nghề, gây lãng phí lớn đến nguồn lực xã hội. Ngoài ra, một hạn chế về đào tạo nhân lực số nằm ở khâu đào tạo nhân lực số theo từng ngành, lĩnh vực. Cần thúc đẩy đào tạo công nghệ trong từng chuyên ngành, lĩnh vực hẹp, như nhân lực y tế số, du lịch số hay nông nghiệp số.

- Công tác triển khai Tổ CNSCĐ tại một số địa phương còn chậm, thiếu chủ động, mang tính hình thức, cách thức tiếp cận hướng dẫn người dân sử dụng công nghệ số, dịch vụ số chưa sát với tinh thần "**đi từng ngõ, gõ từng nhà**", "**cầm tay chỉ việc**"; nhiều thành viên Tổ CNSCĐ vẫn chưa nắm vững nội dung, chưa tiếp cận được người dân hoặc chưa biết cách hướng dẫn người dân; người dân chưa cảm thấy được giá trị lợi ích thiết thực mang lại từ việc ứng dụng công nghệ vào đời sống hằng ngày.

- Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tại các cấp chưa đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Việc nghiên cứu, triển khai Mô hình giáo dục đại học số còn chậm.

- Nhiều bộ, ngành, địa phương chưa chủ động trong việc triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, bồi dưỡng, tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho nhóm đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

g) Về An toàn, an ninh mạng: Tỷ lệ HTTT của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ (Điều 19 Nghị định 85/2016/NĐ-CP quy định về phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ) còn rất thấp: mới khoảng 10%.

III. ĐỀ XUẤT, GIẢI PHÁP

a) Về môi trường pháp lý:

- Các bộ, ngành, địa phương chủ động, khẩn trương ban hành chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử; tập trung rà soát, sửa đổi chính sách thuộc thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương, đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

- Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ tiếp tục tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đôn đốc các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh tổ chức thực hiện **19** Nghị

quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư; sửa đổi các quy định phục vụ triển khai Đề án 06.

- Các bộ ngành, địa phương đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án triển khai thí điểm có kiểm soát[33] (sandbox).

b) Về phát triển các nền tảng số:

- Phổ cập các nền tảng số để cung cấp công nghệ cơ bản dưới dạng dịch vụ.

- Các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục tìm hiểu, nâng cao nhận thức về nền tảng số và cách tiếp cận sử dụng nền tảng số trong triển khai chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ TT&TT.

d) Về phát triển dữ liệu:

- Bộ TT&TT tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường khẩn trương triển khai CSDL đất đai quốc gia; chỉ đạo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ưu tiên, bố trí kinh phí đủ, kịp thời phục vụ triển khai các CSDL quốc gia.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính xây dựng, ban hành quy định chung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước phục vụ việc vận hành, duy trì các hệ thống được ổn định, tin cậy, thông suốt, an toàn, an ninh mạng.

- Bộ TT&TT sẽ cập nhật, bổ sung đánh giá, xếp hạng mức độ phát triển dữ liệu của cơ quan nhà nước trong bộ chỉ số chuyển đổi số quốc gia.

- Bộ TT&TT sẽ tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc thiết lập các sàn giao dịch dữ liệu để các doanh nghiệp tham gia, từ đó, mang lại giá trị mới.

- Các bộ, ngành căn cứ theo chức năng quản lý nhà nước cần sớm ban hành các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong ngành, lĩnh vực một cách phù hợp để vừa bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân, vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

e) Về hạ tầng số:

- Tập trung phổ cập, nâng cao chất lượng hạ tầng viễn thông (đặc biệt là **03** thành tố cơ bản: tốc độ mạng viễn thông di động; Internet băng thông rộng; điện thoại thông minh) ngay trong năm 2024 tạo điều kiện tiền đề để có thể phổ cập nền tảng số, dịch vụ số trên quy mô quốc gia.

- Đẩy nhanh việc phát triển hạ tầng dữ liệu, hạ tầng tính toán theo mô hình điện toán đám mây đáp ứng nhu cầu phát triển của chuyển đổi số quốc gia.

f) Về nhân lực:

- Bộ, ngành đẩy mạnh bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; ưu tiên hình thức bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến.

---

[33] Triển khai thí điểm có kiểm soát là cho phép triển khai một số hoạt động vượt qua các hạn chế của các quy định của pháp luật. Việc triển khai thí điểm này phải được đặt dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt về đối tượng được áp dụng thí điểm, thời gian triển khai...

- Địa phương triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Về phía các cơ sở giáo dục đại học: Nhận rộng mô hình "3 hóa" tại các trường đại học; triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số tại 05 trường đại học trong năm 2024.

g) Về An toàn, an ninh mạng:

- Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng theo Hồ sơ cấp độ được duyệt, trước mắt là các CSDL quốc gia, nền tảng số quốc gia, CSDL/HTTT dùng chung của mình.

- Các bộ, ngành, địa phương sử dụng hiệu quả nền tảng và hoàn thành phê duyệt cấp độ HTTT thuộc phạm vi quản lý trong Quý II/2024.

- Các bộ, ngành, địa phương triển khai gán nhãn tín nhiệm mạng cho 100% website thuộc phạm vi quản lý chậm nhất trong Quý II/2024 để tăng cường mức độ tin cậy, an toàn.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Lưu: VT, CĐSQG (CSS).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Huy Dũng

Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 749/QĐ-TTG NGÀY 03/6/2020 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG 2030

(Kèm theo Báo cáo số 15 /BC-BTTTT ngày 16 /02/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
1	Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam, giúp bảo vệ quyền lợi chính đáng của cả người sử dụng và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước những rủi ro và khi xảy ra sự cố	Hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng	Đang thực hiện/ 2021-2025	- Trong năm 2023 Bộ TT&TT đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý hơn 12,8 nghìn cuộc tấn công, trong đó, có 11,5 nghìn cuộc Phishing (giả mạo), khoảng 500 cuộc Deface (thay đổi giao diện), hơn 800 cuộc Malware (mã độc), tăng 5,3% so với năm 2022; hơn 3,3 nghìn website vi phạm, lừa đảo đã bị ngăn chặn, qua đó giúp bảo vệ 3,6 triệu người dân trên môi trường trực tuyến. Số lượng địa chỉ IP Việt Nam nằm trong các mạng botnet (mạng máy tính ma) là 456,7 nghìn địa chỉ, giảm 4,7% so với cùng năm 2022 (479,1 nghìn địa chỉ). - Trong năm 2023 (tính đến hết tháng 11), đã ngăn chặn chặn hơn 3,3 nghìn website vi phạm, có 972 website lừa đảo. Bảo vệ 3,6

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
				triệu người dân không truy cập website vi phạm pháp luật. - Hỗ trợ 17 bộ, ngành, địa phương triển khai các biện pháp an toàn, an ninh mạng đáp ứng yêu cầu tại Văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ TT&TT nhằm kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trong đó: hỗ trợ giải pháp và rà soát, đánh giá cho 13 cơ quan, hỗ trợ rà soát, đánh giá cho 04 cơ quan. - Phát triển và đưa vào triển khai Nền tảng Hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ nhằm hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương quản lý và tổ chức thực thi công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng nói chung và bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ nói riêng.
2	Xây dựng và làm chủ công nghệ điện toán đám mây (Cloud) với các mô hình triển khai (đám mây công cộng, đám mây dùng riêng, đám mây lai) và các loại hình dịch vụ cung cấp trên đám mây khác nhau, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước và xã hội	Hướng dẫn mô hình triển khai và cung cấp dịch vụ Cloud cho các cơ quan nhà nước	Đang thực hiện/ 2021-2025	- Bộ TT&TT đã ban hành: Văn bản số 1145/BTTTT-CATTT ngày 03/4/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông v/v hướng dẫn bộ tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật để đánh giá và lựa chọn giải pháp nền tảng điện toán đám mây phục vụ Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử; Văn bản số 2612/BTTTT-CATTT ngày 17/7/2021 của Bộ Thông tin và Truyền

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
				thông v/v bổ sung bộ tiêu chí, chỉ tiêu để đánh giá và lựa chọn giải pháp nền tảng điện toán đám mây phục vụ Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử. - Riêng trong năm 2023, Bộ TT&TT đã cấp giấy xác nhận giải pháp Nền tảng điện toán đám mây đáp ứng tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật và an toàn thông tin cho: "Nền tảng FPT Cloud" của Công ty TNHH FPT Smart Cloud; "Nền tảng VNPAY Cloud" của Công ty Cổ phần Giải pháp Thanh toán Việt Nam; "Nền tảng CMC Cloud" của Công ty Cổ phần hạ tầng viễn thông CMC. Đồng thời, gia hạn xác nhận giải pháp "Nền tảng Viettel IDC Cloud" của Công ty TNHH Viettel - CHT.
3	Xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá tín nhiệm số đối với hệ thống thông tin của các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trực tuyến để đánh giá và công bố công khai mức độ an toàn, tin cậy	Hệ thống đánh giá tín nhiệm số đối với hệ thống thông tin	Đang thực hiện/ 2021-2025	- Luật Giao dịch điện tử năm 2023 đã bổ sung hành lang pháp lý về trách nhiệm của Bộ TT&TT trong xây dựng, ban hành tiêu chí tín nhiệm mạng của hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử. - Xây dựng và phát triển Hệ sinh thái Tín nhiệm mạng, riêng trong năm 2023 (tính đến tháng 11), tổng các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng là

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
				khoảng 3,8 nghìn website (trong đó: hơn 500 website thuộc các bộ, ngành và hơn 3,2 nghìn thuộc 59 tỉnh/thành phố) đã được kiểm duyệt và đạt chứng nhận. Tỷ lệ cơ quan nhà nước được gán nhãn là 86% (bộ, ngành đạt 70% (21/30), tỉnh/thành phố đạt 93,65% (59/63)).
4	Phát triển Hạ tầng chính phủ số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng Truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật.	Hạ tầng chính phủ số được hình thành, phát triển	Đang thực hiện/ 2021-2025	- Hoàn thành kết nối đến 100% quận, huyện, xã, phường trên toàn quốc. - Hoàn thành kết nối liên thông CSDL, HTTT các bộ ngành, địa phương với CSDL, HTTT quốc gia (63 tỉnh và các Bộ đều kết nối LGSP với trục NDXP). - Hoàn thành chuẩn hóa chuyển hướng lưu lượng qua mạng TLSCD cho 40 tỉnh (đạt 64%). - Hiện tại đang chuẩn hóa chuyển hướng lưu lượng qua mạng TSLCD đối với các tỉnh, thành còn lại (dự kiến hoàn thành trong năm 2024).
5	Duy trì hoạt động hiệu quả Liên minh Chuyển đổi số trên cơ sở tập hợp các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu Việt Nam để truyền cảm hứng, chuyển đổi nhận thức trong toàn xã hội về chuyển đổi số, chủ động tiên phong thực hiện	Liên minh Chuyển đổi số trên cơ sở tập hợp các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu	Hoàn thành	Liên minh đã thiết lập và hoạt động nhằm chuyển đổi nhận thức trong toàn xã hội về chuyển đổi số, chủ động tiên phong thực hiện chuyển đổi số và tạo ra hạ tầng, nền tảng, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
	chuyển đổi số và tạo ra hạ tầng, nền tảng, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp khác của Việt Nam thực hiện chuyển đổi số.	Việt Nam hoạt động hiệu quả		nghiệp khác của Việt Nam thực hiện chuyển đổi số.
6	Xây dựng bộ nhận diện sử dụng chung cho các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình Chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu quốc gia về chuyển đổi số, công nghệ số, đổi mới, công nghiệp sáng tạo	Đã hoàn thành	Hoàn thành	Đã công bố bộ nhận diện
7	Đẩy mạnh triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển Chính phủ điện tử. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Ưu tiên triển khai trước các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, y tế	Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được hình thành, khai thác sử dụng	Đang thực hiện/ Hàng năm	CSDL quốc gia về dân cư, doanh nghiệp, bảo hiểm đã xây dựng, đang khai thác sử dụng trên phạm vi toàn quốc. CSDL quốc gia về đất đai đang xây dựng, phát triển. Ngoài ra, các CSDL khác đã được xây dựng: hộ tịch; dân số, kế hoạch hóa gia đình; mỹ phẩm, dược; nhân lực y tế; quản lý an toàn thực phẩm; khám chữa bệnh; trang thiết bị y tế; CSDL ngành Giáo dục; cơ sở dữ liệu quản lý thức ăn chăn nuôi; cơ sở mã số vùng trồng; dữ liệu truy xuất nguồn gốc nông sản; dữ liệu về hạ tầng giao thông đường bộ, phương tiện, người điều khiển phương tiện và doanh nghiệp GTVT; dữ liệu về trẻ em; bảo trợ xã hội và giảm nghèo; lao động và việc làm....

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
8	Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn), tích hợp với thành phần dữ liệu mở của Hệ tri thức Việt số hóa, cung cấp dữ liệu mở, cung cấp hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ và sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương. Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương nhằm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để cùng khai thác, sử dụng	Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn); Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	Đang thực hiện/ 2021-2025	Bộ TT&TT thiết lập, đưa vào vận hành tại địa chỉ: https://data.gov.vn.
9	Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh, thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh; lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để triển khai thử nghiệm, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, phát triển bền vững theo mô hình kinh	Thử nghiệm thành công một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh, thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh; danh sách các	Hoàn thành	- Ngày 22/11/2019, Bộ TT&TT ban hành Văn bản số 4176/BTTTT-THH về việc hướng dẫn triển khai thí điểm dịch vụ ĐTTM. Trong đó hướng dẫn các địa phương triển khai thí điểm một số dịch vụ ĐTTM trên nền tảng ĐTTM và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (Trung tâm IOC). - Kết quả hiện nay: **18** địa phương tham gia thí điểm và có kết quả triển khai theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Bộ

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
	tế tuần hoàn. Xác định mô hình triển khai thành công để phổ biến, nhân rộng	đô thị điển hình triển khai dịch vụ đô thị thông minh; xác định được các mô hình triển khai thành công		đã có báo cáo tổng kết, gửi các địa phương tại Văn bản số 4257/BTTTT-THH ngày 17/8/2022.
10	Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước	Chương trình, Đề án nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số được ban hành	Hoàn thành	- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. - Bộ TT&TT đã thiết lập Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs). Trên Nền tảng này, Bộ TT&TT đã chủ trì tổ chức 60 khóa học về chuyển đổi số cho 305 nghìn lượt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan nhà nước; 20 khóa phổ cập kỹ năng số cho người dân với 23 triệu lượt người truy cập học trên Nền tảng; 02 khóa tập huấn cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng. - Nền tảng khóa học trực tuyến mở đại trà là công cụ phục vụ việc học mọi lúc, mọi nơi

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
				cho các đối tượng khác nhau. Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ trình Thủ tướng ban hành Khung kỹ năng số quốc gia. Căn cứ vào đó, đề nghị các bộ ngành, địa phương xây dựng bộ kỹ năng số phù hợp với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trong ngành, lĩnh vực mình. Đồng thời, xây dựng học liệu số để thực hiện ngay việc dạy – học trên Nền tảng MOOC.
11	Xây dựng và triển khai Đề án Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp	Chương trình/Đề án Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống	Hoàn thành	Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.
12	Lựa chọn, đào tạo, tập huấn đội ngũ tối thiểu 1000 chuyên gia về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, địa phương	Hình thành đội ngũ tối thiểu 1000 chuyên gia về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, địa phương	Đang thực hiện/ 2021-2025	Đang nghiên cứu mở rộng Chương trình đào tạo 500 chuyên gia chuyển đổi số.

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
13	Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, Giám đốc điều hành các doanh nghiệp	Thiết lập các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số và tổ chức triển khai	Đang thực hiện/ 2021-2025	Đang xây dựng nội dung chương trình.
14	Cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCS) cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số. Phổ cập việc thi trực tuyến; công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hóa	- Các khóa học đại trà trực tuyến mở trên nền tảng số; - Triển khai và qui định về thi trực tuyến	Đang thực hiện/ 2021-2025	- Bộ TT&TT đã chủ trì tổ chức 60 khóa học về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) cho 305 nghìn lượt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan nhà nước; 20 khóa phổ cập kỹ năng số cho người dân với 23 triệu lượt người truy cập học trên Nền tảng; 02 khóa tập huấn cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng. - Nền tảng khóa học trực tuyến mở đại trà là công cụ phục vụ việc học mọi lúc, mọi nơi cho các đối tượng khác nhau. Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ trình Thủ tướng ban hành Khung kỹ năng số quốc gia. Căn cứ vào đó, đề nghị các bộ ngành, địa phương xây dựng bộ kỹ năng số phù hợp với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trong ngành, lĩnh vực

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
				mình. Đồng thời, xây dựng học liệu số để thực hiện ngay việc dạy – học trên Nền tảng MOOC.
15	Nghiên cứu quốc tế, xây dựng và thường xuyên cập nhật, bổ sung bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số bao gồm các chỉ số đánh giá về Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số của quốc gia, từng ngành, từng địa phương trên cơ sở kế thừa, phát triển từ bộ chỉ số đo lường Chính phủ điện tử	Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số; triển khai đánh giá hằng năm	Hoàn thành	Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ trưởng Bộ TT&TT phê duyệt Đề án "Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia".
16	Định kỳ Hằng năm công bố kết quả đánh giá về chuyển đổi số làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, điều chỉnh Chương trình	Công bố kết quả đánh giá về chuyển đổi số	Đang thực hiện/ 2021-2025	Hàng năm, Bộ TT&TT tổ chức đánh giá, công bố kết quả chuyển đổi số quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh. Hiện tại, Bộ TT&TT đang đánh giá kết quả năm 2022 để công bố theo Kế hoạch (Tham khảo tại địa chỉ: dti.gov.vn).
17	Xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số và có chính sách khuyến khích các doanh	Danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung	Đang thực hiện/ 2021-2025	- Đã ban hành Chương trình phát triển, thúc đẩy sử dụng các nền tảng số quốc gia gồm 38 nền tảng (08 cho Chính phủ số; 12 cho kinh tế số; 11 cho xã hội số và 07 nền tảng đa mục tiêu). Mỗi một nền tảng số do một bộ, ngành chủ trì phát triển / đặt hàng phát triển. - Bộ TT&TT, với vai trò cơ quan thường trực của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã ban hành các hướng dẫn cụ thể để triển khai.

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
	nghiệp công nghệ số Việt Nam đầu tư phát triển các hệ thống này			Trong đó, nhấn mạnh vai trò tham gia của 4 bên. Trong đó, bộ, ngành có vai trò chủ trì phát triển hoặc đặt hàng triển khai các nền tảng số; Doanh nghiệp chủ động phát triển nền tảng số hoặc phát triển theo đặt hàng của bộ ngành chủ trì; Địa phương đóng vai trò thúc đẩy sử dụng; Bộ TT&TT đồng hành cùng các bộ, ngành xây dưng tiêu chí, đánh giá và thúc đẩy sử dụng. - Tới nay đã đánh giá, công bố 08 nền tảng số quốc gia với tổng lượng người dùng thường xuyên vào khoảng 150 triệu người dùng / tháng.
18	Xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI Index), bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và bộ chỉ số công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index), bộ chỉ số đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin	Tiêu chí chuyển đổi số được bổ sung trong các bộ tiêu chí đánh giá ParIndex, ICT Index	Hoàn thành	- Xây dựng và công bố Báo cáo ICT Index năm 2021 và năm 2022. - Biên soạn và phát hành Sách Trắng CNTT-TT Việt Nam năm 2021 và 2022.
19	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh	Báo cáo đề xuất; danh sách văn bản được sửa đổi, bổ sung	Đang thực hiện/ 2021-2025	Bộ TT&TT hiện nay đang xây dựng đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số dự kiến trình Chính phủ phê duyệt trong năm 2024.

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
	doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng			
20	Xây dựng khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số ở Việt Nam, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm, để khuyến khích đổi mới, sáng tạo	Văn bản pháp lý được ban hành	Đang thực hiện/ 2021-2025	- Đã nghiên cứu kinh nghiệm một số quốc gia, trong đó tập trung vào kinh nghiệm của Hàn Quốc. - Hiện nay đang xây dựng đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số dự kiến trình Chính phủ phê duyệt trong năm 2024 dự kiến có nội dung về "Cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số".
21	Xây dựng cơ chế hợp tác, đối thoại để giải quyết các vấn đề phát sinh; cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và các hội, hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi chính sách	Các cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và các bên được tạo lập	Đang thực hiện/ 2021-2025	Đã triển khai các hoạt động hỗ trợ các hội, hiệp hội, bao gồm 4 hội, hiệp hội: VAIP, VINASA, VEIA, VDCA; tham mưu Bộ trong các hoạt động về tổ chức đại hội định kỳ, bảo trợ một số hoạt động của hội, hiệp hội.

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
22	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới để tiên phong thử nghiệm công nghệ mới nhất, mô hình mới nhất trên thế giới	Văn bản đề xuất	Đang thực hiện/ 2021-2025	Bộ TT&TT hiện nay đang xây dựng đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số dự kiến trình Chính phủ phê duyệt trong năm 2024 dự kiến có nội dung về "Cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số".
23	Phát triển 04 loại hình doanh nghiệp công nghệ số	Hình thành 04 loại hình doanh nghiệp công nghệ số	Đang thực hiện/ 2021-2025	- Hình thành CSDL doanh nghiệp công nghệ số. - Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. - Tổ chức các hội nghị kết nối cung cầu giữa doanh nghiệp công nghệ số với các địa phương.
24	Chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang làm sản phẩm theo hướng "Make in Viet Nam" - sáng tạo tại Việt Nam, thiết kế tại Việt Nam và sản xuất tại Việt Nam	Chương trình, chiến lược được ban hành	Đang thực hiện	- Đang dự thảo Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, xác định quan điểm phát triển "Công nghiệp công nghệ số với trọng tâm là thiết kế, sáng tạo và sản xuất tại Việt Nam là ngành công nghiệp chủ lực, là động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
				nâng cao năng lực toàn diện về chuyển đổi số, thúc đẩy hình thành quốc gia số". - Năm 2022, nhiều doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đã chuyển dịch từ gia công công đoạn thấp sang công đoạn cao hoặc làm sản phẩm Make in Viet Nam hoàn chỉnh để cung cấp cho thị trường nước ngoài. - Tổ chức Diễn đàn quốc gia phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam để truyền đi thông điệp phát triển thị trường trong nước và nâng cao giá trị Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. - Đang nghiên cứu và xác định giải pháp nâng cao tỷ lệ Việt Nam trong sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.
25	Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng các bộ quy tắc ứng xử, tạo lập niềm tin trong môi trường số, hình thành văn hóa số gắn liền với bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản của nhân loại và văn hóa truyền thống của Việt Nam	Bộ qui tắc ứng xử trên không gian mạng được ban hành	Hoàn thành	Bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng đã được ban hành theo Quyết định số 874/QĐ-BTTTT ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng Bộ TT&TT.

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
26	Xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn quốc, bắt đầu từ các thành phố lớn, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện	Hình thành được hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn quốc	Đang thực hiện/ 2021-2025	- Hình thành được hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn quốc. - Đến hết 2025 phấn đấu hoàn thành cung cấp cáp quang băng rộng cố định đến 100% thôn đã có điện. 100% thôn đã có điện được phủ sóng băng rộng di động.
27	Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông xây dựng và triển khai thí điểm dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân	Thi điểm dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách	Hoàn thành	Tính đến hết tháng 11/2023, việc triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money tiếp tục đạt được mục tiêu về việc góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, cũng như đảm bảo việc thí điểm dịch vụ an toàn, đúng quy định. Một số kết quả cụ thể như sau: - Tổng số khách hàng đạt gần 6,7 triệu khách hàng, trong đó số lượng khách hàng ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa đạt gần 4,8 triệu khách hàng, chiếm 71%.

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
		rộng rãi tới tất cả người dân		+ Khoảng 11,9 nghìn điểm kinh doanh đã được thiết lập, tổng số đơn vị chấp nhận thanh toán đạt hơn 233 nghìn đơn vị, cung cấp các dịch vụ thiết yếu như điện nước, giáo dục, viễn thông, hành chính công. + Tổng số lượng các giao dịch (nạp, rút, chuyển tiền, thanh toán) bằng Mobile Money là hơn 61 triệu giao dịch với tổng giá trị giao dịch hơn 2,8 nghìn tỷ đồng. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết gia hạn thời gian thí điểm đến hết năm 2024.
28	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông để phát triển hạ tầng số	Cơ chế, chính sách thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông được ban hành	Hoàn thành	Luật Viễn thông sửa đổi đã được Quốc hội thông qua vào ngày 24/11/2023.
29	Nghiên cứu, phát triển Mã địa chỉ bưu chính - Vpostcode phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Hệ thống mã địa chỉ bưu chính – Vpostcode được hình thánh, khai thác, phát triển.	Đang thực hiện/ 2024	Căn cứ Quyết định 1178/QĐ-BTTTT ngày 09/08/2021 của Bộ TT&TT về việc giao nhiệm vụ xây dựng Nền tảng Địa chỉ số Việt Nam; Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ TT&TT về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số; Quyết định số 2012/QĐ-BTTTT ngày 20/10/2023 của Bộ

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
				Thông tin và Truyền thông về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch phát triển Nền tảng Địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số ban hành kèm theo Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/03/2022, Bưu điện Việt Nam đã phát triển Nền tảng Địa chỉ số trên cơ sở kế thừa, tận dụng kết quả triển khai Hệ thống mã địa chỉ Bưu chính Vpostcode. Đến nay, Bưu điện Việt Nam đã triển khai thực hiện hoàn thành các nội dung được giao chủ trì như sau: - Tạo lập CSDL địa chỉ số; Hoàn thành xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho nền tảng địa chỉ số. - Thúc đẩy việc sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số để phát triển kinh tế, xã hội: + Tích hợp nền tảng với các ứng dụng nội bộ của Bưu điện Việt Nam để hỗ trợ hoạt động nghiệp vụ sản xuất kinh doanh. + Cung cấp nền tảng cho các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp… có nhu cầu (ứng dụng báo cháy 114 của Bộ Công an, cổng thông tin nhân đạo…).

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Dự kiến kết quả	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
				- Phối hợp với các Sở TT&TT các tỉnh, thành phố thông tin, tuyên truyền về nền tảng Địa chỉ số.
30	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông (Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông,...) để bảo đảm đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội để chuyển đổi số theo hướng: Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho chuyển đổi số	+ Luật Giao dịch điện tử sửa đổi được ban hành; + Luật Viễn thông sửa đổi được ban hành.	Đang thực hiện/ 2021-2025	- Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5 ngày 20 tháng 06 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. - Ngày 13/10/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1198/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử năm 2023. - Luật Viễn thông sửa đổi đã được Quốc hội thông qua.
31	Xây dựng chiến lược, chính sách quản trị dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ	Chiến lược phát triển dữ liệu số.	Hoàn thành	Bộ TT&TT đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành Chiến lược dữ liệu quốc gia (tại Tờ trình số 72/TTr-BTTTT ngày 30/11/2023).